

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 181/2005/TT-BQP ngày 17/11/2005 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2005/NĐ-CP ngày 14/3/2005 của Chính phủ về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền và Thông tư số 05/2010/TT-BQP ngày 18/01/2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21/4/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu, cảng biển

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Thực hiện Nghị Quyết số 51/NQ-CP ngày 10/12/2010 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung Thông tư số 181/2005/TT-BQP và Thông tư số 05/2010/TT-BQP như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Tiết b, Điểm 2; Điểm 3; Tiết b, Điểm 5 Mục II của Thông tư số 181/2005/TT-BQP ngày 17/11/2005 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2005/NĐ-CP ngày 14/3/2005 của Chính phủ về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền

1. Tiết b, Điểm 2, Mục II được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với người nước ngoài

b) Đối với công dân nước thứ 3: Khi nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế phải có hộ chiếu hợp lệ hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực (đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài nếu không có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp có giá trị xuất, nhập cảnh và mẫu giấy tờ đó đã được thông báo chính thức cho Việt Nam qua đường ngoại giao), kèm theo giấy miễn thị thực do cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam nơi nước công dân định cư cấp”.

2. Điểm 3, Mục II được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Phương tiện, hàng hoá xuất, nhập cảnh, xuất, nhập khẩu, quá cảnh qua cửa khẩu biên giới thực hiện theo Điều 8, Điều 9 của Nghị định số 32/2005/NĐ-CP, phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp, thực hiện các nguyên tắc, thủ tục theo quy định của pháp

luật về hải quan, các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan và điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Đối với hàng hoá buôn bán qua biên giới có đủ điều kiện theo hướng dẫn tại Điểm 3, Mục II Thông tư này và các quy định của Chính phủ về quản lý buôn bán hàng hoá qua biên giới với các nước có chung biên giới được xuất, nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới, không phân biệt hàng hoá đó là của địa phương khu vực biên giới hay của cả nước.

- Trường hợp đặc biệt theo đề nghị của chính quyền địa phương cấp tỉnh hoặc Chính phủ nước láng giềng, Bộ trưởng Bộ Công thương thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính cho phép thông quan hàng hoá của nước thứ ba qua cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu phụ”.

3. Tiết b, Điểm 5, Mục II được sửa đổi, bổ sung như sau:

"5. Thủ tục kiểm tra, giám sát chuyên ngành tại cửa khẩu biên giới.

b) Thủ tục kiểm tra, giám sát biên phòng tại cửa khẩu biên giới.

- Đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau:

+ Hộ chiếu, giấy thông hành, chứng minh biên giới, giấy chứng nhận;

+ Tờ khai xuất, nhập cảnh (đối với người xuất, nhập cảnh bằng hộ chiếu), trừ các cửa khẩu đã bỏ tờ khai xuất, nhập cảnh.

- Đối với người nước ngoài:

+ Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và phải có thị thực nhập cảnh Việt Nam, do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trừ trường hợp được miễn thị thực hoặc vào làm việc, hoạt động tại khu kinh tế cửa khẩu);

+ Giấy thông hành hoặc chứng minh biên giới, giấy chứng nhận;

+ Tờ khai xuất, nhập cảnh (đối với người xuất, nhập cảnh bằng hộ chiếu), trừ các cửa khẩu đã bỏ tờ khai xuất nhập cảnh.

- Đối với phương tiện và người điều khiển phương tiện xuất, nhập cảnh của Việt Nam và nước ngoài phải xuất trình giấy tờ sau:

+ Hộ chiếu hoặc giấy thông hành, chứng minh biên giới;

+ Giấy phép điều khiển phương tiện;

+ Giấy đăng ký phương tiện;

+ Giấy phép liên vận;

+ Giấy phép vận chuyển hành khách, hàng hoá (nếu có);

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật phương tiện và bảo vệ môi trường;

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm phương tiện (nếu có);

+ Giấy chứng nhận kiểm dịch.

- Trách nhiệm của Đồn biên phòng có cửa khẩu:
 - + Kiểm tra, kiểm soát, hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và giám sát các hoạt động ra vào khu vực cửa khẩu đối với người, phương tiện xuất, nhập cảnh; hàng hóa xuất, nhập khẩu trong khu vực cửa khẩu;
 - + Đóng dấu kiểm chứng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu;
 - + Phối hợp với Hải quan, các lực lượng khác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, chống buôn lậu và gian lận thương mại;
 - + Cấp thị thực cho người nước ngoài theo thông báo của Bộ Công an.
 - + Hồ sơ xin cấp thị thực tại cửa khẩu gồm:
 - Công văn của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đồng ý cho nhận thị thực tại cửa khẩu.
 - Trường hợp cấp thị thực rời (D) hành khách phải nộp 04 ảnh (cỡ 4cm x 6cm).
 - Trình tự cấp thị thực tại cửa khẩu:
 - + Đồn Biên phòng tiếp nhận hồ sơ xin cấp thị thực tại cửa khẩu;
 - + Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;
 - + Cấp thị thực cho người nước ngoài.
 - Thời gian cấp thị thực: Ngay sau khi Biên phòng cửa khẩu tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.
 - Thu lệ phí cấp thị thực theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;
 - Chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài.
 - Địa điểm giám sát biên phòng:
 - + Khu vực quá cảnh (đối với cửa khẩu quốc tế);
 - + Khu vực kiểm tra, kiểm soát phương tiện, hàng hoá;
 - + Khu vực nhà chờ làm thủ tục;
 - + Khu vực làm thủ tục xuất, nhập cảnh của các cơ quan chức năng;
 - + Khu vực kho, bãi hàng chờ xuất, nhập khẩu;
 - + Khu cửa hàng kinh doanh miễn thuế;
 - + Khu dịch vụ, thương mại;
 - + Khu bãi xe, bến đậu;
 - + Khu vực cấm;
 - + Khu vực khác thuộc phạm vi khu vực cửa khẩu.
 - Đối tượng kiểm tra, giám sát biên phòng tại khu vực cửa khẩu:

+ Người Việt Nam, người nước ngoài xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới và đến khu vực cửa khẩu đón, tiễn khách hoặc thực hiện các hoạt động dịch vụ, thương mại, báo chí, tham quan, du lịch;

+ Phương tiện, hàng hoá, hành lý của Việt Nam, nước ngoài ra vào khu vực cửa khẩu, xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới.

- Nhiệm vụ giám sát biên phòng:

+ Duy trì, điều hành, hướng dẫn người, phương tiện, hàng hoá, hành lý và các hoạt động khác trong khu vực cửa khẩu theo quy định của pháp luật và Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền;

+ Duy trì an ninh, trật tự khu vực cửa khẩu, ngăn ngừa, phát hiện, xử lý người, phương tiện, hàng hoá xuất, nhập trái phép qua cửa khẩu biên giới."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 14, Điều 23 và Điều 24 của Thông tư số 05/2010/TT-BQP ngày 18/01/2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 21/4/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu, cảng biển

1. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Thủ tục biên phòng đối với tàu khách du lịch

1. Thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư này.

2. Khi đón khách du lịch đường biển tại cảng, các công ty du lịch phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng các giấy tờ sau:

a) 01 bản chính Chương trình du lịch cho khách;

b) 01 bản chính Danh sách duyệt nhân sự của cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cho phép hành khách nhập cảnh Việt Nam (trừ những khách mang hộ chiếu đã có thị thực Việt Nam và những khách mang hộ chiếu thuộc diện miễn thị thực nhập, xuất cảnh Việt Nam).

3. Khách du lịch đường biển được cấp thị thực hoặc Giấy phép tham quan du lịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về xuất, nhập cảnh.

a) Thủ tục cấp thị thực tại cửa khẩu cảng biển

- Cá nhân hoặc đại diện cơ quan chủ quản trực tiếp đến Biên phòng cửa khẩu cảng làm thủ tục.

- Biên phòng cửa khẩu cảng kiểm tra, đăng ký, cấp thị thực trực tiếp tại tàu.

- Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:

+ Giấy giới thiệu hoặc Công văn đề nghị của cơ quan chủ quản đón tiếp.

+ Công văn của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an đồng ý cho nhận thị thực tại cửa khẩu.

+ Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu (xuất trình).

- Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

b) Thủ tục cấp Giấy phép tham quan du lịch tại cửa khẩu cảng biển

- Biên phòng cửa khẩu cảng biển cấp Giấy phép tham quan du lịch trực tiếp tại tàu.

- Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:

+ Công văn xét duyệt nhân sự của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

+ Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của hành khách (xuất trình).

- Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 01 giờ sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

- Việc thu lệ phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí

4. Đối với tàu khách du lịch quốc tế được phép chở khách du lịch nội địa giữa các cảng trong nước trước khi tàu thực hiện đón khách tại cảng, người làm thủ tục phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng các loại giấy tờ sau:

a) Bản sao các giấy phép của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho phép đón khách du lịch nội địa giữa các cảng trong nước.

b) Công ty du lịch phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng Chương trình du lịch cho khách nội địa và Danh sách hành khách.

c) Khách du lịch nội địa là người nước ngoài xuống tàu phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu; Người Việt Nam phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu”.

2. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Giấy tờ xuống tàu, thuyền nước ngoài

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP.

2. Giấy phép xuống tàu, thuyền do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp cho người Việt Nam và người nước ngoài (trừ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng biển đang thực hiện nhiệm vụ và thuyền viên thuộc định biên thuyền bộ và hành khách đi theo tàu, thuyền) để làm việc hoặc tiến hành các hoạt động khác trong thời gian tàu, thuyền neo đậu trong khu vực cửa khẩu cảng biển.

3. Giấy phép xuống tàu, thuyền gồm có:

a) Giấy phép xuống tàu, thuyền cấp cho người Việt Nam và người nước ngoài thuộc các cơ quan, doanh nghiệp thường xuyên xuống các tàu, thuyền nước ngoài làm việc, thời hạn không quá 12 tháng (*Phụ lục IV kèm theo Thông tư này*).

b) Giấy phép xuống tàu, thuyền cấp cho người Việt Nam và người nước ngoài xuống các tàu, thuyền nước ngoài đang neo đậu tại cửa khẩu cảng để làm

việc, thời hạn giấy phép xuống tàu, thuyền không quá 03 tháng (*Phụ lục V kèm theo Thông tư này*).

c) Giấy phép cấp cho người Việt Nam và người nước ngoài thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch, cung ứng lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, hàng hoá và thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến tàu, thuyền nước ngoài trong khu vực cửa khẩu cảng biển, Giấy phép có giá trị 01 lần (*Phụ lục VI kèm theo Thông tư này*).

4. Thủ tục cấp các loại Giấy phép

a) Thủ tục cấp Giấy phép cho người Việt Nam xuống tàu, thuyền nước ngoài.

- Cá nhân hoặc đại diện cơ quan chủ quản trực tiếp đến Biên phòng cửa khẩu cảng làm thủ tục.

- Biên phòng cửa khẩu cảng kiểm tra, đăng ký, cấp Giấy phép.

- Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:

+ Giấy giới thiệu hoặc Công văn đề nghị của cơ quan chủ quản.

+ Giấy chứng minh nhân dân đối với cá nhân hoặc bản danh sách đối với tập thể.

+ Lý lịch cá nhân có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ quản (đối với Giấy phép xuống tàu, thuyền có giá trị 03 tháng và 12 tháng).

+ 02 ảnh màu (cỡ 2cm x 3cm) đối với Giấy phép có giá trị 12 tháng.

- Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

b) Thủ tục cấp Giấy phép cho người nước ngoài xuống tàu, thuyền nước ngoài.

- Cá nhân hoặc đại diện cơ quan chủ quản trực tiếp đến Biên phòng cửa khẩu cảng làm thủ tục.

- Biên phòng cửa khẩu cảng kiểm tra, đăng ký cấp Giấy phép.

- Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:

+ Giấy giới thiệu hoặc Công văn đề nghị của cơ quan chủ quản.

+ Hộ chiếu hoặc thẻ đăng ký thường trú (xuất trình).

+ 02 ảnh màu (cỡ 2cm x 3cm) đối với Giấy phép có giá trị 12 tháng.

- Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

c) Thủ tục cấp Giấy phép cho người Việt Nam thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch có liên quan đến tàu, thuyền nước ngoài trong khu vực cửa khẩu cảng biển.

- Cá nhân hoặc đại diện cơ quan chủ quản trực tiếp đến Biên phòng cửa khẩu cảng làm thủ tục.

- Biên phòng cửa khẩu cảng kiểm tra, đăng ký, cấp Giấy phép.
- Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:
 - + Giấy giới thiệu hoặc Công văn đề nghị của cơ quan chủ quản.
 - + Giấy phép hoạt động tương ứng do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy chứng minh nhân dân (xuất trình).
- Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 01 giờ sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

d) Thủ tục cấp Giấy phép cho người nước ngoài thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch có liên quan đến tàu, thuyền nước ngoài trong khu vực cửa khẩu cảng biển.

- Cá nhân hoặc đại diện cơ quan chủ quản trực tiếp đến Biên phòng cửa khẩu cảng làm thủ tục.
 - Biên phòng cửa khẩu cảng kiểm tra, đăng ký, cấp Giấy phép.
 - Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:
 - + Giấy giới thiệu hoặc Công văn đề nghị của cơ quan chủ quản hoặc Giấy mời, đơn đề nghị của thuyền trưởng.
 - + Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu (xuất trình).
 - Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 01 giờ sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

đ) Thủ tục cấp Giấy phép cho người điều khiển phương tiện Việt Nam cập mạn tàu, thuyền nước ngoài.

- Cá nhân hoặc đại diện cơ quan chủ quản trực tiếp đến Biên phòng cửa khẩu cảng làm thủ tục.
 - Biên phòng cửa khẩu cảng kiểm tra, đăng ký, cấp Giấy phép.
 - Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:
 - + Giấy giới thiệu hoặc Công văn đề nghị của cơ quan chủ quản.
 - + Giấy phép hoạt động tương ứng do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy chứng minh nhân dân (xuất trình).
 - Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

5. Khi đến làm việc hoặc thực hiện các hoạt động trên, người được cấp giấy phép phải xuất trình cho Biên phòng cửa khẩu cảng và chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng. Thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm về việc để những người không có trách nhiệm xuống tàu, thuyền.

6. Việc thu lệ phí các loại giấy phép trên thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”.

3. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 24. Thuyền viên nước ngoài đi bờ

1. Thuyền viên nước ngoài đi bờ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP.

2. Trong thời gian tàu, thuyền neo đậu tại cửa khẩu cảng biển, thuyền viên nước ngoài được phép đi bờ trong phạm vi nội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có cửa khẩu cảng biển mà tàu, thuyền neo đậu. Trường hợp đi ra ngoài phạm vi nói trên hoặc xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu khác phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

3. Thời gian đi bờ từ 07 giờ đến 24 giờ trong ngày, nếu đi tham quan, du lịch, cấp cứu, chữa bệnh... sẽ được gia hạn thời gian theo từng trường hợp cụ thể.

4. Giấy phép đi bờ (Thẻ đi bờ - SHOREPASS - Phụ lục VII kèm theo Thông tư này) do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp cho thuyền viên nước ngoài làm việc trên các tàu, thuyền nước ngoài; thuyền viên nước ngoài làm việc trên các tàu, thuyền Việt Nam, có giá trị 01 lần trong thời gian tàu, thuyền neo đậu tại cảng.

5. Việc xin phép đi bờ cho thuyền viên được ghi tại mục ghi chú của Bản khai chung. Trong trường hợp thuyền viên có nhu cầu đi bờ nhưng chưa đăng ký tại mục ghi chú của Bản khai chung, thuyền trưởng thông qua đại lý để xin cấp Giấy phép đi bờ.

Thuyền viên nghỉ qua đêm trên bờ phải có đơn xin phép của thuyền trưởng và được Biên phòng cửa khẩu cảng cấp giấy phép (Permit).

Thủ tục cấp Giấy phép cho thuyền viên nghỉ qua đêm như sau:

- Cá nhân thuyền viên hoặc đại lý tàu, thuyền đến làm thủ tục trực tiếp tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng.

- Thành phần hồ sơ (01 bộ) gồm:

+ Đơn xin phép của thuyền trưởng;

+ Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.

- Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

6. Thời hạn cấp giấy phép đi bờ cho thuyền viên nước ngoài là ngay sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hợp lệ.


7. Trong thời gian tàu, thuyền neo đậu tại cửa khẩu cảng biển, thuyền viên nước ngoài có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam bị cấm đi bờ, trường hợp đi bờ có hành vi vi phạm bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

8. Việc thu lệ phí giấy phép đi bờ và giấy phép nghỉ qua đêm thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~14~~ tháng 8 năm 2011.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
 - Toà án nhân dân tối cao;
 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Cổng thông tin điện tử của CP;
 - Công báo;
 - Các cơ quan, đơn vị thuộc BQP;
 - Bộ Tư lệnh BDBP;
 - VPBQP;
 - Vụ Pháp chế BQP;
 - Lưu: VT, CCHC.
- ĐM, in Hg ~~18~~2b.

BỘ TRƯỞNG**Đại tướng Phùng Quang Thanh**